

**Bản án số: 228 /2022/ HNGĐ-ST**

**Ngày: 08 - 8 -2022**

**“V/v Ly hôn giữa chị P và anh N”**

**N DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **TRẦN TÚ ANH**

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

2. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án N dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*  
Không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án N dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Đương Văn Hoài N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt, anh N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:* Do quen biết chị và anh N tiến đến hôn N năm 2011, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban N dân xã A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên N do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường hay cãi nhau, anh N đánh đập chị nhiều lần nên mất hạnh phúc, chị xác định không còn tình cảm gì với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Thúy H1, sinh ngày 31/5/2012 và Dương Thúy V sinh ngày 16/9/2018, hiện cháu H1 ở cùng anh N, còn cháu V đang ở với chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị P xin được ly hôn với anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi cháu V, giao cháu H1 cho anh N nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai

Tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2022 cũng như tại phiên tòa, chị P xin được ly hôn với anh N. Chị yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho con.

**- Bị đơn anh Dương Văn Hoài N tại tờ tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/6/2022 trình bày:** Anh thống nhất lời trình bày của chị P về quá trình tiến đến hôn N, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng anh thừa nhận có đánh chị P như lời chị trình bày. Anh không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án N dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn N: Xét thấy, chị P và anh N tiến đến hôn N năm 2011 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, đăng ký kết hôn năm 2013. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc 01 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 đến nay. Nguyên N do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N có hành vi bạo lực đối với chị P. Tại phiên tòa, chị P xác định không còn tình cảm với anh N và kiên quyết ly hôn. Đối với anh N trong phiên hòa giải không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cũng không tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy, anh cũng không thiết tha muốn đoàn tụ với chị P, hôn N anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn N không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị P được ly hôn với anh N là phù hợp điều 56 Luật Hôn N và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Dương Thúy H1, sinh ngày 31/5/2012 và Dương Thúy V sinh ngày 16/9/2018, hiện cháu H1 đang sống với anh N, còn cháu V sống cùng chị P. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị yêu cầu nuôi cả 02 con chung, anh N cũng yêu cầu nuôi cả 02 con chung nếu Tòa án cho anh và chị P ly hôn. Đối với cháu H1 có ý kiến muốn được sống cùng chị P vì muốn đi theo em. Xét thấy, cháu H1 tuy được anh N nuôi từ lúc ly thân nhưng cháu H1 có nguyện vọng sống cùng chị P, cháu lại là con gái, còn anh N lại thường có hành vi bạo lực, việc này không tốt cho sự phát triển tâm sinh lý của con

nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Dương Thúy H1 cho chị P nuôi dưỡng. Đối với cháu Dương Thúy V đã sống cùng chị Hằng từ lúc ly thân đến nay, có cuộc sống ổn định. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Dương Thúy V cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn N và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị P không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 228, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, Luật hôn N và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

1. Về hôn N: Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Dương Văn Hoài N.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung Dương Thúy H1, sinh ngày 31/5/2012 và Dương Thúy V sinh ngày 16/9/2018 chưa thành niên cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh Dương Văn Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009717 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh N thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**